

Bản án số: 332/2023/HC-PT

Ngày: 17 - 05 - 2023

"V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
hành vi hành chính"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 11/2023/TLPT-HC ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 723/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948; Địa chỉ: thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1972. Địa chỉ: xã T1, huyện C, TP HCM. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hoàng L, Luật sư Văn phòng Luật sư H1 – Đoàn Luật sư tỉnh Long An. Địa chỉ: Phường X, TP A, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn U - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L. (Xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L: ông Phạm Vũ T2 – Chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh L. (Xin xét xử vắng mặt)

2.2 Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trương Minh H2** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L. (Xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông **Trương Văn Đ1** – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Lê D** – Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất và dịch vụ tài nguyên, môi trường. (Có mặt)

3.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L là ông **Trương Minh H2** – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L. (Xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L: ông **Trương Văn Đ1** – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 và lời trình bày của đại diện người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa có nội dung:

Phần đất có diện tích 17.226 m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An, bà B là người đang trực tiếp quản lý sử dụng. Bà B có làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của phần đất có diện tích nêu trên.

Ngày 27/3/2020 UBND huyện Đ ban hành công văn số 3621/UBND-TCD trả lời bà B: Không chấp nhận yêu cầu của bà B do không đủ điều kiện để cấp giấy, đất là của Nông trường mía H.

Ngày 20/4/2020 bà B khiếu nại công văn số 3621/UBND-TCD ngày 27/3/2020.

Ngày 27/4/2020 bà T3 nhận được công văn số 5018/UBND-TCD của UBND huyện Đ về việc giải quyết đơn của công dân.

Ngày 29/7/2020 bà B nhận được thông báo số 9322/TB-UBND của UBND huyện Đ về việc thụ lý đơn khiếu nại.

Ngày 06/11/2020 UBND huyện Đ mời bà B tham gia đối thoại để ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu.

Ngày 24/12/2020 bà B nhận được Quyết định số 15220/QĐ-CT của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà B.

Ngày 20/01/2021 bà B khiếu nại Quyết định số 15220/QĐ-CT ngày 24/12/2020 đến UBND tỉnh L.

Ngày 18/11/2021 Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 11564/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà B với nội dung: Giữ nguyên

Quyết định số 15220/QĐ-CT ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị B. Lý do: Quyết định số 15220/QĐ-CT ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ là đúng quy định pháp luật; đất có nguồn gốc của Nông trường mía H, năm 1989 phòng tài chính huyện Đ có khế ước giao quyền sử dụng đất cho gia đình bà B, bà B xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Diện tích 17.226 m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06 do gia đình bà B ký khế ước với Nhà nước vào năm 1989 và mua khế ước của bà Nguyễn Thị C2 và sau đó bà B cho 04 người con sử dụng 01 phần đất, phần đất còn lại bà B sử dụng ổn định đến nay nên có cơ sở xác định bà B sử dụng diện tích đất trên ổn định lâu dài nên thuộc trường hợp phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, 2003 và 2013 và xác định diện tích đất trên không phải là đất công do Nhà nước quản lý.

Tại biên bản họp ngày 17/9/1998 về việc họp giải quyết tranh chấp đất đai do UBND tỉnh L chủ trì có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 khu đất có nguồn gốc của Nông trường mía H. Do đó đối với diện tích đất bà B có nguồn gốc là của Nông trường mía H phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Quyết định số 387/QĐ.UB.89 về việc chuyển Nông trường quốc doanh H trực thuộc Sở Nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm cho UBND huyện Đ của UBND tỉnh L không đề cập UBND tỉnh L chuyển giao đất cho UBND huyện Đ.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định việc UBND huyện Đ không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà B hủy quyết định số 11564/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh L và buộc UBND huyện Đ phải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B.

Bà B không đồng ý với Quyết định số 11564/QĐ-CT ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L, và khởi kiện yêu cầu:

Hủy quyết định số 11564/QĐ-CT ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị B, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

Yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 17.226 m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L để bà B được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Tại Văn bản số 6743/UBND-NCTCD ngày 25 tháng 7 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L trình bày nội dung như sau:

Nguồn gốc đất và quá trình sử dụng: Gốc đất là của Nông trường mía H.

Ngày 16/5/1989 Phòng tài chính huyện Đ có khế ước giao quyền sử dụng đất thuộc khu vực Nông trường mía H cho ông Nguyễn Văn L (chồng của bà Nguyễn Thị B) diện tích 10.000m² với thời hạn 10 năm từ ngày 16/5/1989 đến ngày 16/5/1999. Diện tích theo bản đồ địa chính hiện nay 10.535m² bao gồm 06 thửa

như sau: 575 diện tích 100m², loại đất ODT, 576 diện tích 980m², loại đất NTS, 36 diện tích 326m², loại đất CDK, 21 diện tích 1.910 m², loại đất LUC, 22 diện tích 3.303m², loại đất LUC cùng tờ bản đất số 6 và thửa 156 diện tích 3.916m², loại đất LUC tờ bản đồ số 3, các thửa đất trên tọa lạc tại thị trấn H.

Ngày 10/6/1989 Phòng tài chính huyện Đ có khế ước giao quyền sử dụng đất thuộc khu vực Nông trường mía H cho bà Nguyễn Thị C2 diện tích là 6.960 m² thời hạn là 10 năm từ ngày 10/6/1989 đến ngày 10/6/1999. Năm 1990 bà C2 nhượng lại khế ước cho bà Nguyễn Thị B sử dụng. Diện tích theo bản đồ địa chính hiện nay 6.691 m² bao gồm 03 thửa như sau: 37 diện tích 4.003 m², loại đất LUC, 19 diện tích 1.598 m², loại đất LUC, cùng tờ bản đất số 6 và thửa 154 diện tích 1.090 m², loại đất LUC tờ bản đồ số 3, các thửa đất trên tọa lạc tại thị trấn H.

Như vậy bà B sử dụng phần đất tổng diện tích là 17.226 m² từ năm 1990. Năm 2000 bà B chia 01 phần đất cho 04 người con sử dụng. Phần đất còn lại bà B tiếp tục sử dụng đến nay.

Đất bà B sử dụng nằm trong dự án khu tái định cư, nhà ở cho người có thu nhập thấp và nhà ở chuyên gia. Ngày 08/6/2018 UBND tỉnh L có Quyết định số 1879/QĐ-UBND thu hồi diện tích 1.923.783 m² đất thuộc tờ bản đồ số 01, 02, 03, 04, 05, 06 thị trấn H được xác định theo Mảnh trích đo địa chính do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường lập ngày 01/6/2018. Giao khu đất thu hồi trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh L để tạo quỹ đất sạch.

Ngày 27/3/2020, Chủ tịch UBND huyện Đ có công văn số 3621/UBND-TCD trả lời bà B với nội dung:

Bà B có đơn kiến nghị xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 17.226 m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L là không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lý do: Phần đất này thuộc đất Nông trường mía H (nay thuộc dự án tạo quỹ đất sạch 200ha do Trung tâm phát triển quỹ đất là chủ đầu tư do Nhà nước quản lý).

Ngày 24/12/2020 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 15220/QĐ-CT với nội dung: Giữ nguyên văn bản số 3621/UBND-TCD ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc trả lời bà B. Bác đơn khiếu nại của bà B khiếu nại văn bản số 3621/UBND-TCD ngày 27/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Lý do: Khiếu nại không có cơ sở xem xét giải quyết.

Bà B nhận Quyết định của Chủ tịch UBND huyện Đ và ủy quyền cho ông Phạm Văn T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh L.

Ngày 05/11/2021 UBND tỉnh L đối thoại với bà B. Qua đối thoại bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc khiếu nại của mình là đúng.

Bà Nguyễn Thị B khiếu nại Quyết định số 15220/QĐ-CT ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết, bởi vì:

Gốc đất của Nông trường mía H. Năm 1989 Phòng tài chính huyện Đ có khế ước giao quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn L (chồng bà B) sử dụng thời hạn 10 năm diện tích 10.000m². Năm 2000 bà B cho 04 người con sử dụng 01 phần đất. Phần còn lại bà B sử dụng đến nay. Căn cứ khoản 4 Điều 19 Nghị định

số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về các trường hợp không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định: “Người nhận khoán đất trong các nông trường, lâm trường, doanh nghiệp nông, lâm nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng”.

Bà B khiếu nại xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 17.226m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L nằm trong phần diện tích 10.000 m² trước đây gia đình bà B nhận khoán giao quyền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Căn cứ pháp lý nêu trên và nguồn gốc đất, ngày 18/11/2021 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11564/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà B như sau:

Giữ nguyên Quyết định số 15220/QĐ-CT ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị B đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L là đúng quy định pháp luật.

Bác đơn khiếu nại của bà B (ủy quyền cho ông Phạm Văn T).

Lý do: Quyết định số 15220/QĐ-CT ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ là đúng quy định pháp luật. Đất có nguồn gốc của Nông trường mía H, năm 1989 Phòng tài chính huyện Đ có kế hoạch giao quyền sử dụng đất cho gia đình bà B, bà B xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Từ nhận xét và việc giải quyết khiếu nại lần 2 nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh L khẳng định Quyết định số 11564/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà B là đúng quy định pháp luật và có giá trị thi hành. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xem xét bác đơn của bà B.

Đề nghị giữ nguyên ý kiến tại văn bản số 6743/UBND-NCTCD ngày 25 tháng 7 năm 2022. Đất bà B sử dụng có nguồn gốc của nông trường mía H, là đất công nhà nước quản lý nên yêu cầu khởi kiện của bà B là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 147/2023/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu:

Hủy quyết định số 11564/QĐ-CT ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Long An về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị B, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

Yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 17.226 m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L để bà B được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về phí, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/9/2022, người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người khởi kiện luật sư Nguyễn Hoàng L trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, về phần Nông trường mía H hình thành từ sau Giải phóng, năm 1989 Ủy ban nhân dân tỉnh L có ký Quyết định số 387 ngày 03/03/1989 về việc về việc chuyển Nông trường mía này cho Ủy ban nhân dân huyện Đ quản lý để tiếp tục sản xuất kinh doanh gồm 3 khu đất. Do thống nhất chủ trương ở huyện không đủ khả năng đầu tư trên diện tích lớn như vậy nên giao cho dân sản xuất, vì vậy khoảng tháng 6/1989 Ủy ban nhân dân huyện Đ giao cho Phòng tài chính huyện ký khế ước cho dân “Khế ước giao quyền sử dụng đất” để sản xuất và có thu tiền 07 năm. Theo Luật Đất đai năm 1987 thì giao đất sản xuất ổn định lâu dài thì đủ điều kiện cấp giấy. Việc thu hồi đất này của Nông trường Mía H là không đúng vì nông trường đã giải thể, nên Quyết định này không có căn cứ, không có giá trị pháp lý. Đất của bà B sử dụng từ năm 1989 đến nay hơn 30 năm thì đủ điều kiện theo quy định Điều 49, Điều 50 Luật Đất đai là sử dụng ổn định lâu dài. Năm 1997 những người dân khiếu nại trong đó có gia đình bà B, sau đó năm 1998 Ủy ban có tổ chức họp để kết luận đối phần 36 ha cấp cho các hộ dân đang sản xuất, đối với hơn 200 ha thì giao Ủy ban nhân dân huyện Đ phân bổ và xem xét cấp giấy chứng nhận cho người dân, 67 ha đã quy hoạch làm khu dân cư, kết luận này đã có từ năm 1998 tuy nhiên Ủy ban nhân dân huyện Đ vẫn chưa xem xét cấp giấy trong đó có hộ gia đình bà B mà cho rằng đây là đất công của Nông trường Mía H. Thực tế có hàng trăm hộ dân tương tự hộ bà B sử dụng từ năm 1989 đến nay. Gia đình bà B cũng chưa nhận được Quyết định thu hồi đất. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đối với quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 do chúng tôi cũng thiếu sót chưa có yêu cầu, nhưng nếu được xem xét thì kính mong Hội đồng xét xử xem xét để giải quyết được triệt để.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn T trình bày: Quyết định 15220 ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ và Quyết định số 11564 ngày 18/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ đều áp dụng Khoản 4 Điều 19 Nghị định 43 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đất đai là căn cứ để xem xét không chấp nhận yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B. Trong 17.226m² trong đó có phần diện tích đất ông Nguyễn Văn L ký khế ước với Phòng Tài chính huyện Đ là 10.000m², phần bà Nguyễn Thị C2 ký là 6.960m² như vậy có phần đất 226m² không nằm trong khế ước có nguồn gốc là đất đồn bốt, áp chiến lược. Trước đây có vụ án ông Phạm Văn C3 đã được xét xử cũng là phần đất liền kề trong khu này tương tự phần đất vừa nêu đã chấp nhận cho ông C3 nên cấp sơ thẩm bác của bà B là không phù hợp. Nông trường Mía năm 1989 đã bị giải thể, Ủy ban nhân dân tỉnh L đã ra chương trình kêu gọi người dân làm nông nghiệp và thu tiền hàng năm. Việc Ủy ban nhân dân cho rằng đất công và thu hồi chỉ là hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng đất cho người dân là không thỏa đáng. Bà B sử dụng đất lâu dài, công khai liên tục không tranh chấp. Đối với diện tích này Ủy ban nhân dân cho rằng đất có khu được cấp có khu không được cấp, tuy nhiên thực tế việc cấp đất rất lộn xộn không phân theo từng khu như Ủy ban nhân dân trình bày. Quyết định 08 của Ủy ban nhân dân tỉnh L

liên quan đến giá bồi thường hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, đến giữa năm 2018 mới thực hiện việc kê biên. Gia đình bà B sử dụng, trồng cây xây nhà và các công trình phụ mà không có bất cứ ngăn chặn nào, đến 2023 vẫn có thông báo đóng tiền đất phi nông nghiệp, diện tích đất của bà B có tên bà B trên sơ đồ địa chính. Quyết định 1879 ngày 08/6/2018 về việc thu hồi đất của nông trường giao cho Ủy ban nhân dân huyện Đ là sai chủ thể bởi vì đất này bà B là người trực tiếp sử dụng từ năm 1987 cho đến nay, đầu năm 1989 Nông trường Mía H đã không còn đất do giải thể, như vậy Quyết định thu hồi đất sai về chủ thể.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đã có chủ trương, nếu đất không có nằm trong quy hoạch để phát triển khu vực thì đủ điều kiện Ủy ban nhân dân sẽ xem xét giao cho người dân. Tuy nhiên những đất có dự án được quy hoạch trước đây do kêu gọi không có nhà đầu tư, vẫn để cho người dân thuê đất, sau này tiếp tục thực hiện để kêu gọi đầu tư nếu có thì Nhà nước lấy lại, những công sức đã gìn giữ tôn tạo của những hộ dân sinh sống và trồng trọt trên đất sẽ được xem xét theo quy định. Phần diện tích này nằm trong quy hoạch dự án tạo quỹ đất sạch, đã có thông báo, kế hoạch thu hồi đất, không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận. Đối với vụ án của ông C3 nguồn gốc là đất công binh, ngoài ranh của đất Nông trường Mía và đã sử dụng trước năm 1985 không thuộc trường hợp tương tự với bà B. Đối với dự án này các hộ dân đã nhận bồi thường chỉ còn 5 hộ trong đó có hộ cô B nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- **Về tố tụng:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính

- **Về nội dung:** Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ và qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa thì: Đất bà B tranh chấp có nguồn gốc giao cho Nông trường Mía sau đó được giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện Đ quản lý, Ủy ban thực hiện chính sách cho thuê đất trả tiền thuê hàng năm, vì vậy có cơ sở đất là đất công. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện bồi thường chi phí tôn tạo giữ gìn đất của hộ dân sử dụng là đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện và luật sư trình bày việc bà B sinh sống ổn định lâu dài không tranh chấp tuy nhiên đất này được Ủy ban nhân dân giao trả tiền thuê đất hàng năm, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ có căn cứ, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh L, Ủy ban nhân dân huyện Đ, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Nguyễn Thị B làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung: Các ý kiến của người khởi kiện và đại diện người khởi kiện không khác với các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Cấp sơ thẩm nhận định đầy đủ. Phần diện tích đất bà B yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất công do Nhà nước quản lý. Nguồn gốc đất được giao cho Nông trường mía H. Năm 1989 Phòng tài chính huyện Đ ký khế ước cho thuê thời hạn 10 năm. Phần diện tích này nằm trong quy hoạch dự án tạo quỹ đất sạch, đã có thông báo, kế hoạch thu hồi đất và đã có Quyết định thu hồi số 1879, 1856 năm 2018 giao cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất quản lý do đó không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4,6 Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Về Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L đã được ban hành đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Luật giải quyết Khiếu nại.

Từ những căn cứ nêu trên không đủ cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị B.

Các phần khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị B; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 147/2022/HC-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu:

Hủy quyết định số 11564/QĐ-CT ngày 18/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Nguyễn Thị B, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

Yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 17.226 m² thuộc các thửa đất số 36, 575, 576 cùng tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L để bà B được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi, được miễn nộp tiền án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- ĐS (3);
- Lưu VP(5), HS(2).18b.(ĐHV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ngọc